

# Những mất mát trong cuộc chiến

Phạm xuân Thái

Ông bà nội tôi có hai người con: Bác Tí và bố tôi. Năm 1954, gia đình ông tôi và bố tôi di cư vào Nam; Bác Tí ở lại miền Bắc cùng gia đình chồng. Sau khi ông tôi mất, bà tôi về ở với gia đình bố tôi. Vì tôi là cháu đích tôn, nên bà tôi rất thương tôi. Mỗi sáng, bà đánh thức tôi dậy từ 5 giờ sáng để đi lễ với bà. Bà bắt tôi phải tuân theo tuyệt đối Mười Điều Răn Chúa Trời, không được làm điều ác, phải có tinh thần bác ái thương người, phải đọc kinh mỗi tối, và xưng tội mỗi tuần. Bà muốn tôi trở thành Linh Mục trong tương lai, nên có một đạo tôi đã được gọi vào học tại trường dòng Đồng Công, Thủ Đức, nhưng tiếc thay, tôi không có căn tu!

Thỉnh thoảng, hai bà cháu thường đón xe buýt lên chợ Bến Thành, chợ Tân Định, chợ Vườn Chuối để đi chợ và ăn quà, thôi thì đủ cả: bún ốc, bún mọc, bún riêu, bún chả, bánh cuốn, gỏi cuốn, bánh xèo, đậu đỗ bánh lọt ... Cho tới ngày nay, tôi vẫn còn giữ được bản tính thích ăn quà vặt đáng yêu này!

Vào những kỳ nghỉ hè, bà tôi thường dắt tôi về miền quê thăm họ hàng, và tham dự những hội hè đình đám. Tôi yêu tính chất phác, hiền hoà, không màu mè của người dân quê; tôi yêu lũy tre xanh bên những cánh đồng xanh ngát; tôi yêu giòng sông hiền hoà; tôi yêu giọng hát câu hò của những nàng thôn nữ. Tất cả những sinh hoạt này đã tạo cho tôi tình yêu quê hương, yêu đồng bào, yêu nền văn hoá Việt.

\*\*\*

Sau Tết Mậu Thân, tình hình chiến cuộc càng ngày càng khốc liệt, tôi vào quân đội sau đó. Năm 1973, tôi đi ra đóng tại Huế, trên đỉnh rặng Trường Sơn, đóng cùng cứ điểm với Trung Đoàn 51 Bộ Binh, sau đó Lữ Đoàn 3 Dù, và sau cùng Trung Đoàn 53 Bộ Binh. Đai Kiểm Báo chúng tôi có trách nhiệm phát hiện tàu bè qua lại trên vùng biển, từ vĩ tuyến 17 vào tới Đà Nẵng; hướng dẫn Tuần Dương Hạm và Duyên Đoàn chặn xét và kiểm soát những tàu bè khả nghi; và hướng dẫn Hải Pháo yểm trợ cho các đơn vị bạn

Huế với sông Hương, núi Ngự, chùa Thiên Mụ, nhà thờ Phú Cam, Lăng Tẩm, Cung Đình, bãi biển Thuận An, và những tà áo trắng nhẹ bay trên cầu Trường Tiền. Huế với cây số 17, rặng Trường Sơn, đài Radar Kiểm Báo, và tiếng đại pháo nổ hàng ngày. Huế với những cơn mưa tầm tã, gót giầy lang thang, ly café đậm, khói thuốc cay trong mắt. Và Huế với những mộng mơ, với XL., tiếng đàn guitar, giọng hát Soprano, tiếng hát của giáo đường.

“Làng tôi êm đềm bên bến Hương giang  
Những đêm trăng sáng soi trên giòng sông  
Bóng cô thôn nữ trên đường về chợ  
Thoảng tiếng khoan hò nghe nhịp chèo nhẹ lướt.”

Chị Thu Nguyệt, người bạn cùng học trường Đồng Khánh với chị tôi ngày xưa, tổ chức buổi văn nghệ sinh viên tại gia, và mời tôi cùng tham dự. Tôi tới tham dự trong bộ quần áo civil với chiếc chemise trắng và chiếc quần Jean bạc màu, trông cũng đẹp trai, khoẻ mạnh, cao ráo, bảnh choẹ (khác hẳn bây giờ một trời một vực!). Trong buổi văn nghệ này tôi đã gặp XL., nàng đang học năm thứ ba trường Luật, Huế, và nhiều anh chị em sinh viên khác nữa. Chúng tôi đã hát những bài hát cộng đồng, nhạc quê hương, nhạc tình Tiền Chiến, Phạm đình Chương, Cung Tiến, Lâm Tuyền, Hoàng Trọng, Phạm Duy, Trịnh công Sơn. Chúng tôi hoà mình trong giọng ca, say sưa trong lời hát, bay bổng theo âm thanh, quện theo tiếng đàn. Chúng tôi mến cái văn nghệ tính của nhau, và rồi chúng tôi đã quen nhau.

Sau đó là những buổi hẹn hò, những cuộc đi chơi thăm viếng thắng cảnh, những buổi tắm biển tại bãi biển Thuận An, những buổi du ngoạn bằng thuyền trên sông Hương, những buổi anh đàn em hát. Tình yêu đến với chúng tôi thật nhẹ nhàng, trong sáng, thánh thiện.

Quen nhau được một năm, những tiếng xì-xào bắt đầu nổi lên trong khung trường Đại Học về anh chàng nhà binh, người Saigon, và Hoa Khôi XL.. Lời bàn tán bay ra khỏi khung trường Đại Học, lan rộng tới hàng xóm láng giềng, và sau đó tới gia đình XL.

Hôm đó tôi “xuống núi”, ghé nhà XL. chơi. Nàng ra mở cửa với gương mặt buồn hiu hắt, đôi mắt quầng sâu. Bố XL. muốn nói chuyện riêng với tôi. Ông hỏi thăm tôi về gia đình tôi, đời lính, đơn vị tôi đang làm việc, và sau đó ông đi thẳng vào vấn đề:

“Em XL. vẫn còn nhỏ, tôi muốn nó tập trung vào vấn đề học hành. Tôi muốn XL. có một tương lai sáng lạn. Mặc dù tôi biết cậu và XL. chỉ là bạn, nhưng tôi không muốn cả xứ Huế này bàn tán, thêu dệt, gây trở ngại cho vấn đề lấy chồng của XL. sau này. Như cậu biết đó, Huế nhỏ bé, cổ kính, nghiêm khắc, và chuyện gì mọi người cũng bàn tán. Tôi yêu cầu cậu để yên cho XL. ăn học, và đừng gặp XL. nữa!”

Tôi đau thắt trong tim, tự ái bị tổn thương, nhưng vẫn cố nở nụ cười. Tôi cảm ơn ông cụ và hứa sẽ không bao giờ gặp XL. nữa. Tôi đi thẳng ra cửa, không gian xup đỗ, lòng buồn tê tái!

Những ngày sau đó tôi “tu” trên núi và không xuống phố nữa. Tôi ngẫm nghĩ và thấy ông cụ nói cũng có lý! Mặc dù tôi và XL. chưa tính tới chuyện lấy nhau, nhưng bậc cha mẹ nào chả muốn con mình có tương lai sáng lạn và lấy được người chồng khá giả. Lấy dân nhà binh trong thời chiến có gì gọi là tương lai? Cuộc đời nhà binh nay đây, mai đó; sống nay, chết mai. Lương lính, dù là sĩ quan, cũng chỉ đủ đóng tiền cơm tháng, tiền giặt ủi, tiền câu lạc bộ, và tiêu pha một hai tuần sau là hết. Thân mình lo chưa xong, hưởng gì lo được cho vợ cho con?

Quả thật, đôi khi thấy cuộc đời cũng bất công! Cả miền Nam Việt Nam phó mặc cuộc chiến cho một triệu người lính Việt Nam Cộng Hoà và quân đội đồng minh. Hầu hết mọi người khác, vẫn thản nhiên đứng ngoài cuộc. Saigon và những thành phố lớn vẫn nhởn nhơ ăn chơi, biểu tình, chống đối, làm tiền, hối lộ. Người lính vẫn hy sinh xương máu để bảo vệ đất nước, và bảo vệ cả cho những thành phần đứng ngoài cuộc này. Tương lai người lính mịt mờ, tuổi trẻ bị đốt dần trong cuộc chiến, đời sống kham khổ, lập gia đình được với người mình yêu là cả một vấn đề!

\*\*\*

Sáng ngày 24 tháng 3, năm 1975, đèo Hải Vân đã bị chiếm đóng; phi trường Phú Bài bị pháo kích liên tục khiến máy bay không thể lên xuống được. Đường rút duy nhất từ Huế về Đà Nẵng là đường biển. Trung Đoàn 53 Bộ Binh đã được lệnh rút khỏi căn cứ từ đêm, nhưng toán kỹ thuật 30 người chúng tôi vẫn tiếp tục chu toàn nhiệm vụ, và chờ chỉ thị. Sau cùng, Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải ra lệnh cho chúng tôi tháo gỡ dàn Radar, rút về căn cứ Hải Quân Thuận An, lên chiếc tàu Hải Quân cuối cùng để về Đà Nẵng.

Trước cửa căn cứ Hải Quân Thuận An nằm la liệt đủ mọi loại xe cộ, đủ mọi thành phần dân chúng, và đủ mọi sắc lính. Mọi người bồng bế, gồng gánh, nằm, ngồi hỗn độn. Tôi nghĩ và lo cho XL, và gia đình nàng. Tôi chăm chú nhìn quanh, hy vọng nhờ một phép màu nào đó, tôi sẽ gặp XL, trong nhóm người đang tìm cách ra khỏi Huế này. Lúc đó, tôi sẽ quý xuống, bế XL, lên, và đưa nàng ra khỏi vùng lửa đạn.

Đơn vị chúng tôi được phép xuống chiếc tàu cuối cùng đang chờ đợi. Tàu vừa rời bến, cổng căn cứ bị phá, mọi người uà vào, đạn bắn theo tua tua. Huế mất ngày 24 tháng 3, năm 1975.

Vào Đà Nẵng, đơn vị chúng tôi được cất đặt để ứng chiến cho Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải. Đêm 28 tháng 3, năm 1975, đại pháo từ đèo Hải Vân bắn như mưa vào sân bay Đà Nẵng và Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải. Tiếng la hét đau đớn của người trúng đạn, tiếng nhón nháo của đám đông sợ hãi, tiếng trực thăng lên xuống, khói lửa ngập trời. Tàu cập bến để vớt người phải dạt ra vì đám đông tràn xuống, và đạn của quân ta bắn ra ào ào. Một số lính tráng vô kỷ luật trở thành loạn quân, bắn giết, cướp bóc lan tràn.

Tôi may mắn không bị thương trong những đợt pháo kích. Tình hình cho thấy tôi không thể nào thoát được nếu tiếp tục ở Bộ Tư Lệnh. Tôi cùng một số anh em lái chiếc xe Jeep của ai đó bỏ lại, tiến về những căn cứ Hải Quân gần đó. May thay, chúng tôi tìm được một căn cứ Hải Quân vẫn còn lính gác trước cửa. Tôi xuống xe, dùng tài ngoại giao thuyết phục vị Thiếu Tá chỉ huy, yêu cầu ông cho nhóm chúng tôi vào căn cứ. Trời thương, không hiểu sao vị Thiếu Tá chỉ huy này bằng lòng cho chúng tôi vào căn cứ của ông. Chúng tôi vừa vào trong căn cứ thì

được lệnh triệt thoái. Chúng tôi lên tàu vào lúc 6 giờ sáng ngày 29 tháng 3, năm 1975; Đà Nẵng mất cùng ngày.

Tôi được chuyển qua tàu lớn đến Cam Ranh. Từ Cam Ranh tôi lần mò ra Ba Ngòi đi xe đò đến Phan Rang thì bị chặn lại để thành lập tuyến đầu. Tôi tiếp tục đi bộ và quá giang xe về Phan Thiết. Tới Phan Thiết thì không thể tiếp tục đi đường bộ được nữa vì Bình Tuy đã bị cắt đứt. Lối thoát duy nhất vẫn là đường biển, và mọi người đang lũ lượt kéo đến bến đò tìm đường đi. Vừa đói, vừa khát, vừa hết tiền, tôi lang thang đến bến đò xin đi quá giang về Vũng Tàu. Nhìn hình hài tiêu tụy của tôi, một gia đình đánh cá đã cho tôi quá giang; họ mời tôi ăn cơm, nhưng tôi cảm ơn không ăn vì tôi vẫn còn “no”. Thú thật, đây là lần tôi đói nhất trong cuộc đời, nhưng vì tôi ngưng, và cũng vì tôi bị tiêm nhiễm bởi sự dậy dỗ của gia đình từ nhỏ, nên tôi đã “sĩ diện theo kiểu Bắc Kỳ” từ chối không ăn, mặc dù bụng tôi đói meo!

Tôi lò dò về tới Saigon ngày 14 tháng 4, năm 1975, ba tuần lễ sau khi Huế mất. Cả nhà mừng rỡ vì tưởng tôi đã “ra đi” cùng trời mây non nước. Bố tôi bảo: “Thằng này chân dài, nên chạy lẹ!”

Ở Saigon gần hai tuần lễ, tôi được lệnh ra trình diện tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân vùng III Duyên Hải tại Cát Lở, Vũng Tàu. Tôi háng hái ra đi, vì đây là cơ hội để tôi gặp lại bà tôi sau bao năm xa cách. Bà tôi hiện ở với người cháu họ, gọi bà bằng cô ở Vũng Tàu.

\*\*\*

Tôi đến nhà bác Đoàn thăm bà tôi ngày 26 tháng 4, năm 1975. Bác Đoàn cho tôi biết bà tôi đang bệnh nặng nằm tại nhà thương Vũng Tàu. Tôi đón xe Lam ra bệnh viện thăm bà. Bà tôi tóc bạc phơ, người chỉ còn da bọc xương, nằm thoi thóp trong căn phòng gồm hai “giường”. “Giường” đây là bệ xi-măng được trải lên bằng một manh chiếu cũ. Giường hàng xóm là gia đình của một bà đứng tuổi với đứa con nhỏ đang bị bệnh. Tôi nhìn bà tôi lòng đau xót: bà đã già, đau ốm bệnh hoạn, nằm một thân một mình không con cháu bên cạnh. Tôi tiến lại ngồi cạnh bà, cầm tay bà, kỷ niệm tràn về, nước mắt rưng rưng. Tôi có nên đánh thức bà tôi dậy để hai bà cháu gặp nhau không? Tôi quyết định để bà tôi ngủ, và tôi sẽ trở lại thăm bà tôi vào ngày mai. Bà hàng xóm bên cạnh ngược mắt hỏi:

- “Cậu là bà con chi với cụ đây?”

Tôi trả lời:

- “Đây là bà nội tôi. Thưa bà, bà tôi vào đây lâu chưa?”

- “Bà cụ dzô đây cũng được hai tuần, bà cụ yếu lắm, lúc tỉnh lúc mê. Thỉnh thoảng tôi cũng giúp đỡ pha sữa cho cụ uống”

Tôi cảm ơn sự tử tế của bà láng giềng, móc ví đưa bà ta hơn nửa số tiền mà gia đình tôi vừa cho, và nhờ bà ta săn sóc cho bà tôi trong lúc gia đình chúng tôi không có mặt tại đây. Tôi tự nhủ với lòng rằng: bằng mọi cách, tôi sẽ đưa bà về

Saigon cho gần gia đình và con cháu. Bước ra khỏi bệnh viện lòng tôi nặng trĩu buồn!

Trời đã về chiều, tôi kiếm xe trở về Cát Lở. Nhìn quanh tôi thấy không gian có vẻ khang khác, tình hình có vẻ không ổn. Tiếng máy bay lên xuống không ngừng. Mọi người nhốn nháo nửa đi nửa chạy. Xe đò, xe Lam, xe Honda chông chắt người và hành lý. Tiếng la hét, tiếng gọi nhau ơi ới. Đón xe gần nửa tiếng đồng hồ không được, tôi quyết định đi bộ về căn cứ. Đường về căn cứ xa diệu vợi, mồ hôi tôi nhễ nhại, đầu óc tôi lùm bùm. Tôi thất tha, thất thểu tiếp tục tiến bước. Sau hơn một tiếng đồng hồ đi bộ, tôi may mắn gặp một anh lính Hải Quân đang lái Honda chạy tới, tôi vẫy tay xin quá giang, anh ta ngừng lại, chở tôi về Cát Lở.

Sáng sớm ngày hôm sau, 27 tháng 4, năm 1975 chúng tôi được lệnh xuống Tàu di tản! Trong tình thế này tôi có thể làm gì cho bà tôi? Tôi có nên ở lại để lo cho bà không? Số phận bà tôi sẽ ra sao? Đứng trên boong tàu, nghĩ đến bà mà nước mắt tôi tuôn tràn. Tôi tự nhủ chắc tình hình rồi cũng sẽ yên; nay mai tôi sẽ trở lại đón bà về Saigon; cũng may, bà tôi vẫn còn có bác Đoàn lo liệu cho bà.

Ngày 30 tháng 4, năm 1975 ông Dương Văn Minh kêu gọi buông súng đầu hàng. Hạm đội Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa tiến ra hải phận quốc tế, cứu vớt khoảng 100.000 đồng bào, và trực chỉ Subic Bay, Phi Luật Tân.

\*\*\*

Sau khi đến Hoa Kỳ, những lá thư tôi nhận được từ Việt Nam viết:

- “Bà đã chết mất xác tại Vũng Tàu!”
- “Bác Đoàn cũng đã di tản trong tháng Tư, 1975”
- “XL. và mẹ đã mất tích trong cuộc vượt biên đường biển!”
- “Bố đã bị bắt đi học tập cải tạo!”
- “Bác Tí vào Nam thăm bố mẹ sau 20 năm xa cách, nhưng cả hai ông bà đều đã mất. Bác Tí thất vọng tràn trề, khóc lóc thảm thiết!”
- “K. (em trai tôi) vượt biên bị bắt. Gia đình K. khổ quá, vợ K. đã phải bán máu mấy lần để có tiền nuôi con!”

Hồi tưởng lại những mất mát trong cuộc chiến, lòng tôi chùng xuống, nước mắt tuôn tràn. Đâu đây nghe văng vẳng tiếng hát của Việt Dũng:

“Con gọi về cho Cha một manh áo trắng,  
Cha mặc một lần, khi ra pháp trường phơi thân!”

\*\*\*\*\*